

Biểu 01 - DST
(Ban hành tại Thông tư số: 01/2022/TT-BYT)
Ngày nhận b/c: Chậm nhất 15 ngày kể từ thời điểm
kết thúc kỳ báo cáo.
Số:...../BC-.....

Đơn vị báo cáo :
Chi cục DS-KHHGD Tỉnh Thanh Hoá
Nơi nhận:
+ Tổng cục DS-KHHGD
+ Sở Y tế Tỉnh Thanh Hoá
+ Cục thống kê Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO THỐNG KÊ CHUYÊN NGÀNH DÂN SỐ
QUÝ 2 NĂM 2024

Tên chỉ tiêu	Toàn tỉnh	Huyện Bá Thước	Huyện Cẩm Thủy
1. Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	923.225	26.135	27.739
Trong đó: Số hộ gia đình	922.684	26.130	27.736
2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý (người)	3.865.197	111.988	119.496
3. Số nữ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	588.079	18.390	17.953
4. Tổng số trẻ sinh ra trong quý (người)	7.558	196	257
Trong tổng số:			
- Số trẻ em nam sinh ra	4.145	108	144
- Số trẻ em nữ sinh ra	3.413	88	113
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 2	2.369	82	88
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên	1.667	31	36
- Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi	314	13	14
5. Số người chết trong quý (người)	3.660	119	116
6. Số người kết hôn trong quý (người)	1.738	94	0
Trong tổng số: - Số người tảo hôn	316	21	0
- Số người người kết hôn cận huyết thống	0	0	0
7. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (cặp)	55	55	0
8. Số người ly hôn trong quý (người)	54	10	0
9. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	4.065	27	5
10. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	2.458	36	45
11. Số phụ nữ mang thai trong quý (người)	20.793	814	263
12. Số nữ đặt vòng tránh thai mới trong quý (người)	817	25	7
Trong đó: Số nữ thay vòng tránh thai (người)	61	1	1
13. Số nữ thôi sử dụng vòng tránh thai trong quý(người)	226	16	7
14. Số nam mới triệt sản trong quý (người)	2	0	0
15. Số nữ mới triệt sản trong quý (người)	28	0	0
16. Số nữ mới cấy tránh thai trong quý (người)	46	4	2
Trong đó: Số thay que cấy tránh thai (người)	3	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Đông Sơn	Huyện Hà Trung	Huyện Hậu Lộc
1. Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	20.820	31.903	43.157
Trong đó: Số hộ gia đình	20.818	31.903	43.152
2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý (người)	81.666	122.508	185.172
3. Số nữ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	12.619	17.960	26.071
4. Tổng số trẻ sinh ra trong quý (người)	177	199	191
Trong tổng số:			
- Số trẻ em nam sinh ra	101	106	109
- Số trẻ em nữ sinh ra	76	93	82
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 2	67	78	57
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên	46	61	57
- Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi	4	7	6
5. Số người chết trong quý (người)	80	156	104
6. Số người kết hôn trong quý (người)	56	0	0
Trong tổng số: - Số người tảo hôn	22	0	0
- Số người người kết hôn cận huyết thống	0	0	0
7. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (cặp)	0	0	0
8. Số người ly hôn trong quý (người)	1	0	0
9. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	126	188	43
10. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	106	149	46
11. Số phụ nữ mang thai trong quý (người)	765	693	37
12. Số nữ đặt vòng tránh thai mới trong quý (người)	217	10	0
Trong đó: Số nữ thay vòng tránh thai (người)	20	1	0
13. Số nữ thôi sử dụng vòng tránh thai trong quý(người)	8	1	0
14. Số nam mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
15. Số nữ mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
16. Số nữ mới cấy tránh thai trong quý (người)	3	0	0
Trong đó: Số thay que cấy tránh thai (người)	1	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Hoàng Hóa	Huyện Lang Chánh	Huyện Mường Lát
1. Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	57.224	11.591	7.818
Trong đó: Số hộ gia đình	57.221	11.590	7.816
2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý (người)	234.431	51.062	40.133
3. Số nữ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	33.763	8.302	6.656
4. Tổng số trẻ sinh ra trong quý (người)	312	1	123
Trong tổng số:			
- Số trẻ em nam sinh ra	188	1	61
- Số trẻ em nữ sinh ra	124	0	62
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 2	95	0	27
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên	66	0	24
- Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi	10	0	9
5. Số người chết trong quý (người)	235	26	21
6. Số người kết hôn trong quý (người)	83	0	0
Trong tổng số: - Số người tảo hôn	6	0	0
- Số người người kết hôn cận huyết thống	0	0	0
7. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (cặp)	0	0	0
8. Số người ly hôn trong quý (người)	2	0	0
9. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	94	1	0
10. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	85	4	0
11. Số phụ nữ mang thai trong quý (người)	0	0	0
12. Số nữ đặt vòng tránh thai mới trong quý (người)	74	0	0
Trong đó: Số nữ thay vòng tránh thai (người)	4	0	0
13. Số nữ thôi sử dụng vòng tránh thai trong quý(người)	3	0	0
14. Số nam mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
15. Số nữ mới triệt sản trong quý (người)	4	0	0
16. Số nữ mới cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
Trong đó: Số thay que cấy tránh thai (người)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Nông Cống	Huyện Nga Sơn	Huyện Ngọc Lặc
1. Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	45.884	37.512	33.839
Trong đó: Số hộ gia đình	45.880	37.512	33.815
2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý (người)	189.701	139.354	146.804
3. Số nữ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	27.175	20.446	23.780
4. Tổng số trẻ sinh ra trong quý (người)	97	338	226
Trong tổng số:			
- Số trẻ em nam sinh ra	51	185	113
- Số trẻ em nữ sinh ra	46	153	113
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 2	34	68	53
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên	22	74	19
- Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi	6	21	10
5. Số người chết trong quý (người)	59	198	123
6. Số người kết hôn trong quý (người)	2	126	134
Trong tổng số: - Số người tảo hôn	0	26	18
- Số người người kết hôn cận huyết thống	0	0	0
7. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (cặp)	0	0	0
8. Số người ly hôn trong quý (người)	0	0	5
9. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	23	164	183
10. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	10	44	150
11. Số phụ nữ mang thai trong quý (người)	0	0	921
12. Số nữ đặt vòng tránh thai mới trong quý (người)	2	8	18
Trong đó: Số nữ thay vòng tránh thai (người)	0	0	0
13. Số nữ thôi sử dụng vòng tránh thai trong quý(người)	0	0	6
14. Số nam mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
15. Số nữ mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
16. Số nữ mới cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	3
Trong đó: Số thay que cấy tránh thai (người)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Như Thanh	Huyện Như Xuân	Huyện Quan Hóa
1. Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	22.854	16.569	10.828
Trong đó: Số hộ gia đình	22.850	16.530	10.802
2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý (người)	100.962	73.710	48.575
3. Số nữ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	16.227	12.123	8.164
4. Tổng số trẻ sinh ra trong quý (người)	218	225	52
Trong tổng số:			
- Số trẻ em nam sinh ra	116	119	26
- Số trẻ em nữ sinh ra	102	106	26
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 2	44	35	19
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên	45	32	15
- Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi	4	7	8
5. Số người chết trong quý (người)	105	98	54
6. Số người kết hôn trong quý (người)	0	0	18
Trong tổng số: - Số người tảo hôn	0	0	21
- Số người người kết hôn cận huyết thống	0	0	0
7. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (cặp)	0	0	0
8. Số người ly hôn trong quý (người)	0	0	4
9. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	4	2	28
10. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	35	12	12
11. Số phụ nữ mang thai trong quý (người)	88	0	756
12. Số nữ đặt vòng tránh thai mới trong quý (người)	0	0	13
Trong đó: Số nữ thay vòng tránh thai (người)	0	0	0
13. Số nữ thôi sử dụng vòng tránh thai trong quý(người)	0	0	1
14. Số nam mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
15. Số nữ mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
16. Số nữ mới cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	1
Trong đó: Số thay que cấy tránh thai (người)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Quan Sơn	Huyện Quảng Xương	Huyện Thạch Thành
1. Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	8.924	49.686	34.924
Trong đó: Số hộ gia đình	8.875	49.642	34.919
2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý (người)	41.977	227.044	155.194
3. Số nữ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	7.133	34.331	23.782
4. Tổng số trẻ sinh ra trong quý (người)	32	125	337
Trong tổng số:			
- Số trẻ em nam sinh ra	18	68	183
- Số trẻ em nữ sinh ra	14	57	154
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 2	9	38	128
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên	10	25	86
- Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi	2	3	18
5. Số người chết trong quý (người)	17	45	160
6. Số người kết hôn trong quý (người)	13	0	89
Trong tổng số: - Số người tảo hôn	22	0	129
- Số người người kết hôn cận huyết thống	0	0	0
7. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (cặp)	0	0	0
8. Số người ly hôn trong quý (người)	0	0	0
9. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	6	6	200
10. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	5	4	122
11. Số phụ nữ mang thai trong quý (người)	173	0	1.568
12. Số nữ đặt vòng tránh thai mới trong quý (người)	0	14	92
Trong đó: Số nữ thay vòng tránh thai (người)	0	0	0
13. Số nữ thôi sử dụng vòng tránh thai trong quý(người)	0	0	2
14. Số nam mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
15. Số nữ mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
16. Số nữ mới cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	6
Trong đó: Số thay que cấy tránh thai (người)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Thiệu Hoá	Huyện Thọ Xuân	Huyện Thường Xuân
1. Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	41.897	55.244	21.552
Trong đó: Số hộ gia đình	41.897	55.235	21.551
2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý (người)	162.434	207.575	96.132
3. Số nữ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	23.352	29.249	15.826
4. Tổng số trẻ sinh ra trong quý (người)	361	459	200
Trong tổng số:			
- Số trẻ em nam sinh ra	211	271	114
- Số trẻ em nữ sinh ra	150	188	86
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 2	106	124	54
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên	91	101	36
- Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi	10	13	10
5. Số người chết trong quý (người)	218	314	86
6. Số người kết hôn trong quý (người)	2	74	41
Trong tổng số: - Số người tảo hôn	0	0	24
- Số người người kết hôn cận huyết thống	0	0	0
7. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (cặp)	0	0	0
8. Số người ly hôn trong quý (người)	0	5	2
9. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	160	88	99
10. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	198	303	51
11. Số phụ nữ mang thai trong quý (người)	1.149	844	1.073
12. Số nữ đặt vòng tránh thai mới trong quý (người)	12	68	32
Trong đó: Số nữ thay vòng tránh thai (người)	1	4	1
13. Số nữ thôi sử dụng vòng tránh thai trong quý(người)	5	2	4
14. Số nam mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
15. Số nữ mới triệt sản trong quý (người)	0	3	0
16. Số nữ mới cấy tránh thai trong quý (người)	0	1	0
Trong đó: Số thay que cấy tránh thai (người)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Triệu Sơn	Huyện Vĩnh Lộc	Huyện Yên Định
1. Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	52.132	22.705	44.127
Trong đó: Số hộ gia đình	52.130	22.690	44.126
2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý (người)	219.944	87.120	172.007
3. Số nữ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	32.711	12.150	25.554
4. Tổng số trẻ sinh ra trong quý (người)	540	106	445
Trong tổng số:			
- Số trẻ em nam sinh ra	259	65	235
- Số trẻ em nữ sinh ra	281	41	210
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 2	196	37	126
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên	119	25	105
- Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi	32	7	17
5. Số người chết trong quý (người)	273	63	272
6. Số người kết hôn trong quý (người)	66	8	64
Trong tổng số: - Số người tảo hôn	0	0	0
- Số người người kết hôn cận huyết thống	0	0	0
7. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (cặp)	0	0	0
8. Số người ly hôn trong quý (người)	0	0	3
9. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	338	71	179
10. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	92	29	93
11. Số phụ nữ mang thai trong quý (người)	1.520	586	609
12. Số nữ đặt vòng tránh thai mới trong quý (người)	48	17	15
Trong đó: Số nữ thay vòng tránh thai (người)	13	1	0
13. Số nữ thôi sử dụng vòng tránh thai trong quý(người)	5	0	0
14. Số nam mới triệt sản trong quý (người)	0	1	1
15. Số nữ mới triệt sản trong quý (người)	10	0	0
16. Số nữ mới cấy tránh thai trong quý (người)	4	3	4
Trong đó: Số thay que cấy tránh thai (người)	0	0	1

Tên chỉ tiêu	Thành phố Sầm Sơn	Thành phố Thanh Hóa	Thị xã Bim Sơn
1. Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	25.845	94.394	16.031
Trong đó: Số hộ gia đình	25.841	94.225	15.907
2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý (người)	116.489	399.905	61.265
3. Số nữ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	18.115	64.906	8.339
4. Tổng số trẻ sinh ra trong quý (người)	406	974	61
Trong tổng số:			
- Số trẻ em nam sinh ra	216	558	39
- Số trẻ em nữ sinh ra	190	416	22
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 2	111	379	16
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên	64	153	18
- Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi	20	23	1
5. Số người chết trong quý (người)	125	231	39
6. Số người kết hôn trong quý (người)	359	196	0
Trong tổng số: - Số người tảo hôn	19	3	0
- Số người người kết hôn cận huyết thống	0	0	0
7. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (cặp)	0	0	0
8. Số người ly hôn trong quý (người)	10	8	0
9. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	200	851	20
10. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	162	258	10
11. Số phụ nữ mang thai trong quý (người)	63	8	24
12. Số nữ đặt vòng tránh thai mới trong quý (người)	7	7	0
Trong đó: Số nữ thay vòng tránh thai (người)	0	0	0
13. Số nữ thôi sử dụng vòng tránh thai trong quý(người)	1	0	0
14. Số nam mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
15. Số nữ mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
16. Số nữ mới cấy tránh thai trong quý (người)	1	0	0
Trong đó: Số thay que cấy tránh thai (người)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Thị Xã Nghi Sơn
1. Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	61.891
Trong đó: Số hộ gia đình	61.891
2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý (người)	272.549
3. Số nữ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	43.002
4. Tổng số trẻ sinh ra trong quý (người)	900
Trong tổng số:	
- Số trẻ em nam sinh ra	480
- Số trẻ em nữ sinh ra	420
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 2	298
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên	306
- Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi	39
5. Số người chết trong quý (người)	323
6. Số người kết hôn trong quý (người)	313
Trong tổng số: - Số người tảo hôn	5
- Số người người kết hôn cận huyết thống	0
7. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (cặp)	0
8. Số người ly hôn trong quý (người)	4
9. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	959
10. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	397
11. Số phụ nữ mang thai trong quý (người)	8.839
12. Số nữ đặt vòng tránh thai mới trong quý (người)	131
Trong đó: Số nữ thay vòng tránh thai (người)	14
13. Số nữ thôi sử dụng vòng tránh thai trong quý(người)	165
14. Số nam mới triệt sản trong quý (người)	0
15. Số nữ mới triệt sản trong quý (người)	11
16. Số nữ mới cấy tránh thai trong quý (người)	14
Trong đó: Số thay que cấy tránh thai (người)	1

Tên chỉ tiêu	Toàn tỉnh	Huyện Bà Thước	Huyện Cẩm Thủy
17. Số nữ thôi sử dụng cấy tránh thai trong quý (người)	3	0	0
18. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	290.287	11.557	8.228
Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	215.981	8.607	4.960
- Triệt sản nam	91	5	8
- Triệt sản nữ	1.809	33	59
- Thuốc cấy tránh thai	923	79	51
- Thuốc tiêm tránh thai	2.282	149	79
- Thuốc uống tránh thai	21.891	1.012	1.154
- Bao cao su	36.425	1.518	1.768
- Biện pháp tránh thai khác	10.885	154	149
19. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	297.792	6.833	9.725
20. Số người đã thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (Người)	144	144	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
21. Số PN mang thai đã được SL, chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia) trong quý (Người)	74	74	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
22. Số PN mang thai đã được tầm soát, SLTS 3 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau) trong quý (Người)	44	44	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
23. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS đủ 5 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh, Bệnh tim bẩm sinh) trong quý (Người)	47	47	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
24. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS 3 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh) trong quý (Người)	32	32	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
25. Số người cao tuổi được khám SK định kỳ trong quý	1.400	1.400	0
26. Số Hộ GD được CTV dân số tư vấn, tuyên truyền về dân số tại hộ trong quý (Hộ)	979	979	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Đông Sơn	Huyện Hà Trung	Huyện Hậu Lộc
17. Số nữ thôi sử dụng cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
18. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	6.624	11.506	10.584
Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	4.619	7.808	9.307
- Triệt sản nam	2	0	3
- Triệt sản nữ	54	110	55
- Thuốc cấy tránh thai	14	6	0
- Thuốc tiêm tránh thai	40	80	121
- Thuốc uống tránh thai	586	812	347
- Bao cao su	965	2.345	581
- Biện pháp tránh thai khác	344	345	170
19. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	5.995	6.454	15.487
20. Số người đã thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
21. Số PN mang thai đã được SL, chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
22. Số PN mang thai đã được tầm soát, SLTS 3 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
23. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS đủ 5 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh, Bệnh tim bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
24. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS 3 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
25. Số người cao tuổi được khám SK định kỳ trong quý	0	0	0
26. Số Hộ GD được CTV dân số tư vấn, tuyên truyền về dân số tại hộ trong quý (Hộ)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Hoàng Hóa	Huyện Lang Chánh	Huyện Mường Lát
17. Số nữ thôi sử dụng cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
18. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	14.752	5.413	3.394
Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	12.279	4.705	2.668
- Triệt sản nam	2	7	1
- Triệt sản nữ	116	30	0
- Thuốc cấy tránh thai	7	0	57
- Thuốc tiêm tránh thai	43	98	111
- Thuốc uống tránh thai	583	214	362
- Bao cao su	1.219	268	171
- Biện pháp tránh thai khác	503	91	24
19. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	19.011	2.889	3.262
20. Số người đã thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
21. Số PN mang thai đã được SL, chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
22. Số PN mang thai đã được tầm soát, SLTS 3 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
23. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS đủ 5 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh, Bệnh tim bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
24. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS 3 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
25. Số người cao tuổi được khám SK định kỳ trong quý	0	0	0
26. Số Hộ GD được CTV dân số tư vấn, tuyên truyền về dân số tại hộ trong quý (Hộ)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Nông Cống	Huyện Nga Sơn	Huyện Ngọc Lặc
17. Số nữ thôi sử dụng cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
18. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	8.626	8.450	13.021
Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	6.953	6.589	8.418
- Triệt sản nam	0	4	12
- Triệt sản nữ	56	73	172
- Thuốc cấy tránh thai	59	1	55
- Thuốc tiêm tránh thai	115	42	97
- Thuốc uống tránh thai	471	574	1.335
- Bao cao su	643	957	1.661
- Biện pháp tránh thai khác	329	210	1.271
19. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	18.549	11.996	10.759
20. Số người đã thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
21. Số PN mang thai đã được SL, chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
22. Số PN mang thai đã được tầm soát, SLTS 3 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
23. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS đủ 5 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh, Bệnh tim bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
24. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS 3 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
25. Số người cao tuổi được khám SK định kỳ trong quý	0	0	0
26. Số Hộ GD được CTV dân số tư vấn, tuyên truyền về dân số tại hộ trong quý (Hộ)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Như Thanh	Huyện Như Xuân	Huyện Quan Hóa
17. Số nữ thôi sử dụng cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
18. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	8.554	7.178	4.245
Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	7.519	5.211	2.776
- Triệt sản nam	0	6	2
- Triệt sản nữ	75	101	17
- Thuốc cấy tránh thai	15	2	30
- Thuốc tiêm tránh thai	49	52	59
- Thuốc uống tránh thai	420	792	915
- Bao cao su	448	881	446
- Biện pháp tránh thai khác	28	133	0
19. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	7.673	4.945	3.919
20. Số người đã thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
21. Số PN mang thai đã được SL, chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
22. Số PN mang thai đã được tầm soát, SLTS 3 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
23. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS đủ 5 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh, Bệnh tim bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
24. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS 3 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
25. Số người cao tuổi được khám SK định kỳ trong quý	0	0	0
26. Số Hộ GD được CTV dân số tư vấn, tuyên truyền về dân số tại hộ trong quý (Hộ)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Quan Sơn	Huyện Quảng Xương	Huyện Thạch Thành
17. Số nữ thôi sử dụng cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
18. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	4.360	18.233	11.256
Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	3.617	15.469	7.991
- Triệt sản nam	7	5	3
- Triệt sản nữ	44	68	41
- Thuốc cấy tránh thai	60	12	67
- Thuốc tiêm tránh thai	271	15	183
- Thuốc uống tránh thai	246	319	1.313
- Bao cao su	89	2.038	1.097
- Biện pháp tránh thai khác	26	307	561
19. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	2.773	16.098	12.526
20. Số người đã thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
21. Số PN mang thai đã được SL, chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
22. Số PN mang thai đã được tầm soát, SLTS 3 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
23. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS đủ 5 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh, Bệnh tim bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
24. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS 3 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
25. Số người cao tuổi được khám SK định kỳ trong quý	0	0	0
26. Số Hộ GD được CTV dân số tư vấn, tuyên truyền về dân số tại hộ trong quý (Hộ)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Thiệu Hoá	Huyện Thọ Xuân	Huyện Thường Xuân
17. Số nữ thôi sử dụng cấy tránh thai trong quý (người)	0	1	0
18. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	10.817	15.003	6.536
Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	9.599	11.358	5.596
- Triệt sản nam	0	4	1
- Triệt sản nữ	58	97	46
- Thuốc cấy tránh thai	9	104	2
- Thuốc tiêm tránh thai	1	155	25
- Thuốc uống tránh thai	421	883	334
- Bao cao su	643	1.997	455
- Biện pháp tránh thai khác	86	405	77
19. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	12.535	14.246	9.290
20. Số người đã thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
21. Số PN mang thai đã được SL, chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
22. Số PN mang thai đã được tầm soát, SLTS 3 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
23. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS đủ 5 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh, Bệnh tim bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
24. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS 3 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
25. Số người cao tuổi được khám SK định kỳ trong quý	0	0	0
26. Số Hộ GD được CTV dân số tư vấn, tuyên truyền về dân số tại hộ trong quý (Hộ)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Triệu Sơn	Huyện Vĩnh Lộc	Huyện Yên Định
17. Số nữ thôi sử dụng cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
18. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	14.678	5.380	14.590
Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	10.588	3.605	12.865
- Triệt sản nam	0	2	10
- Triệt sản nữ	86	30	24
- Thuốc cấy tránh thai	23	12	56
- Thuốc tiêm tránh thai	62	62	127
- Thuốc uống tránh thai	1.521	559	482
- Bao cao su	2.277	752	817
- Biện pháp tránh thai khác	121	358	209
19. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	18.033	6.770	10.964
20. Số người đã thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
21. Số PN mang thai đã được SL, chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
22. Số PN mang thai đã được tầm soát, SLTS 3 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
23. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS đủ 5 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh, Bệnh tim bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
24. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS 3 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
25. Số người cao tuổi được khám SK định kỳ trong quý	0	0	0
26. Số Hộ GD được CTV dân số tư vấn, tuyên truyền về dân số tại hộ trong quý (Hộ)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Thành phố Sầm Sơn	Thành phố Thanh Hóa	Thị xã Bim Sơn
17. Số nữ thôi sử dụng cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
18. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	12.186	23.549	3.822
Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	5.555	18.991	3.220
- Triệt sản nam	3	2	0
- Triệt sản nữ	75	119	10
- Thuốc cấy tránh thai	1	13	1
- Thuốc tiêm tránh thai	5	77	64
- Thuốc uống tránh thai	993	550	84
- Bao cao su	3.383	2.513	317
- Biện pháp tránh thai khác	2.171	1.284	126
19. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	5.929	41.357	4.517
20. Số người đã thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
21. Số PN mang thai đã được SL, chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
22. Số PN mang thai đã được tầm soát, SLTS 3 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
23. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS đủ 5 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh, Bệnh tim bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
24. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS 3 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
25. Số người cao tuổi được khám SK định kỳ trong quý	0	0	0
26. Số Hộ GD được CTV dân số tư vấn, tuyên truyền về dân số tại hộ trong quý (Hộ)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Thị Xã Nghi Sơn
17. Số nữ thôi sử dụng cấy tránh thai trong quý (người)	2
18. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	27.745
Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	15.108
- Triệt sản nam	2
- Triệt sản nữ	160
- Thuốc cấy tránh thai	187
- Thuốc tiêm tránh thai	100
- Thuốc uống tránh thai	4.609
- Bao cao su	6.176
- Biện pháp tránh thai khác	1.403
19. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	15.257
20. Số người đã thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (Người)	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0
21. Số PN mang thai đã được SL, chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia) trong quý (Người)	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0
22. Số PN mang thai đã được tầm soát, SLTS 3 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau) trong quý (Người)	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0
23. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS đủ 5 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh, Bệnh tim bẩm sinh) trong quý (Người)	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0
24. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS 3 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh) trong quý (Người)	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0
25. Số người cao tuổi được khám SK định kỳ trong quý	0
26. Số Hộ GD được CTV dân số tư vấn, tuyên truyền về dân số tại hộ trong quý (Hộ)	0

Tên chỉ tiêu	Toàn huyện	Huyện Bá Thước	Huyện Cẩm Thủy
27. Số lần tuyên truyền về công tác dân số tại xã trong quý(Lần)	44	44	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	1.580	1.580	0
28. Số lần truyền thông lưu động về công tác dân số tại khu công nghiệp, trường phổ thông, địa bàn khó tiếp cận của huyện trong quý (Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
29. Số lần tuyên truyền về dân số trên đài phát thanh huyện trong quý (Lần)	0	0	0
30. Số tin, bài tuyên truyền về dân số trên các ấn phẩm của cơ quan báo chí địa phương trong quý	0		
31. Số Pano, áp phích tuyên truyền về dân số trên địa bàn tính đến cuối quý			
32. Số xã tham gia tổ chức sự kiện truyền thông, chiến dịch truyền thông trong quý			
33. Số xã tham gia tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số trong quý			
34. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	5.232	205	119
35. Số thôn chưa có cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (Thôn)	0	0	0

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

.....Ngày.....tháng.....năm.....
CHI CỤC DÂN SỐ - KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Tên chỉ tiêu	Huyện Đông Sơn	Huyện Hà Trung	Huyện Hậu Lộc
27. Số lần tuyên truyền về công tác dân số tại xã trong quý(Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
28. Số lần truyền thông lưu động về công tác dân số tại khu công nghiệp, trường phổ thông, địa bàn khó tiếp cận của huyện trong quý (Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
29. Số lần tuyên truyền về dân số trên đài phát thanh huyện trong quý (Lần)	0	0	0
30. Số tin, bài tuyên truyền về dân số trên các ấn phẩm của cơ quan báo chí địa phương trong quý			
31. Số Pano, áp phích tuyên truyền về dân số trên địa bàn tính đến cuối quý			
32. Số xã tham gia tổ chức sự kiện truyền thông, chiến dịch truyền thông trong quý			
33. Số xã tham gia tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số trong quý			
34. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	94	143	176
35. Số thôn chưa có cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (Thôn)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Hoằng Hóa	Huyện Lang Chánh	Huyện Mường Lát
27. Số lần tuyên truyền về công tác dân số tại xã trong quý(Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
28. Số lần truyền thông lưu động về công tác dân số tại khu công nghiệp, trường phổ thông, địa bàn khó tiếp cận của huyện trong quý (Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
29. Số lần tuyên truyền về dân số trên đài phát thanh huyện trong quý (Lần)	0	0	0
30. Số tin, bài tuyên truyền về dân số trên các ấn phẩm của cơ quan báo chí địa phương trong quý			
31. Số Pano, áp phích tuyên truyền về dân số trên địa bàn tính đến cuối quý			
32. Số xã tham gia tổ chức sự kiện truyền thông, chiến dịch truyền thông trong quý			
33. Số xã tham gia tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số trong quý			
34. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	257	88	114
35. Số thôn chưa có cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (Thôn)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Nông Cống	Huyện Nga Sơn	Huyện Ngọc Lặc
27. Số lần tuyên truyền về công tác dân số tại xã trong quý(Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
28. Số lần truyền thông lưu động về công tác dân số tại khu công nghiệp, trường phổ thông, địa bàn khó tiếp cận của huyện trong quý (Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
29. Số lần tuyên truyền về dân số trên đài phát thanh huyện trong quý (Lần)	0	0	0
30. Số tin, bài tuyên truyền về dân số trên các ấn phẩm của cơ quan báo chí địa phương trong quý			
31. Số Pano, áp phích tuyên truyền về dân số trên địa bàn tính đến cuối quý			
32. Số xã tham gia tổ chức sự kiện truyền thông, chiến dịch truyền thông trong quý			
33. Số xã tham gia tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số trong quý			
34. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	230	192	213
35. Số thôn chưa có cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (Thôn)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Như Thanh	Huyện Như Xuân	Huyện Quan Hóa
27. Số lần tuyên truyền về công tác dân số tại xã trong quý(Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
28. Số lần truyền thông lưu động về công tác dân số tại khu công nghiệp, trường phổ thông, địa bàn khó tiếp cận của huyện trong quý (Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
29. Số lần tuyên truyền về dân số trên đài phát thanh huyện trong quý (Lần)	0	0	0
30. Số tin, bài tuyên truyền về dân số trên các ấn phẩm của cơ quan báo chí địa phương trong quý			
31. Số Pano, áp phích tuyên truyền về dân số trên địa bàn tính đến cuối quý			
32. Số xã tham gia tổ chức sự kiện truyền thông, chiến dịch truyền thông trong quý			
33. Số xã tham gia tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số trong quý			
34. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	169	210	107
35. Số thôn chưa có cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (Thôn)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Quan Sơn	Huyện Quảng Xương	Huyện Thạch Thành
27. Số lần tuyên truyền về công tác dân số tại xã trong quý(Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
28. Số lần truyền thông lưu động về công tác dân số tại khu công nghiệp, trường phổ thông, địa bàn khó tiếp cận của huyện trong quý (Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
29. Số lần tuyên truyền về dân số trên đài phát thanh huyện trong quý (Lần)	0	0	0
30. Số tin, bài tuyên truyền về dân số trên các ấn phẩm của cơ quan báo chí địa phương trong quý			
31. Số Pano, áp phích tuyên truyền về dân số trên địa bàn tính đến cuối quý			
32. Số xã tham gia tổ chức sự kiện truyền thông, chiến dịch truyền thông trong quý			
33. Số xã tham gia tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số trong quý			
34. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	125	188	282
35. Số thôn chưa có cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (Thôn)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Thiệu Hoá	Huyện Thọ Xuân	Huyện Thường Xuân
27. Số lần tuyên truyền về công tác dân số tại xã trong quý(Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
28. Số lần truyền thông lưu động về công tác dân số tại khu công nghiệp, trường phổ thông, địa bàn khó tiếp cận của huyện trong quý (Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
29. Số lần tuyên truyền về dân số trên đài phát thanh huyện trong quý (Lần)	0	0	0
30. Số tin, bài tuyên truyền về dân số trên các ấn phẩm của cơ quan báo chí địa phương trong quý			
31. Số Pano, áp phích tuyên truyền về dân số trên địa bàn tính đến cuối quý			
32. Số xã tham gia tổ chức sự kiện truyền thông, chiến dịch truyền thông trong quý			
33. Số xã tham gia tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số trong quý			
34. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	192	297	150
35. Số thôn chưa có cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (Thôn)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Triệu Sơn	Huyện Vĩnh Lộc	Huyện Yên Định
27. Số lần tuyên truyền về công tác dân số tại xã trong quý(Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
28. Số lần truyền thông lưu động về công tác dân số tại khu công nghiệp, trường phổ thông, địa bàn khó tiếp cận của huyện trong quý (Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
29. Số lần tuyên truyền về dân số trên đài phát thanh huyện trong quý (Lần)	0	0	0
30. Số tin, bài tuyên truyền về dân số trên các ấn phẩm của cơ quan báo chí địa phương trong quý			
31. Số Pano, áp phích tuyên truyền về dân số trên địa bàn tính đến cuối quý			
32. Số xã tham gia tổ chức sự kiện truyền thông, chiến dịch truyền thông trong quý			
33. Số xã tham gia tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số trong quý			
34. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	458	140	149
35. Số thôn chưa có cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (Thôn)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Thành phố Sầm Sơn	Thành phố Thanh Hóa	Thị xã Bim Sơn
27. Số lần tuyên truyền về công tác dân số tại xã trong quý(Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
28. Số lần truyền thông lưu động về công tác dân số tại khu công nghiệp, trường phổ thông, địa bàn khó tiếp cận của huyện trong quý (Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
29. Số lần tuyên truyền về dân số trên đài phát thanh huyện trong quý (Lần)	0	0	0
30. Số tin, bài tuyên truyền về dân số trên các ấn phẩm của cơ quan báo chí địa phương trong quý			
31. Số Pano, áp phích tuyên truyền về dân số trên địa bàn tính đến cuối quý			
32. Số xã tham gia tổ chức sự kiện truyền thông, chiến dịch truyền thông trong quý			
33. Số xã tham gia tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số trong quý			
34. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	86	514	65
35. Số thôn chưa có cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (Thôn)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Thị Xã Nghi Sơn
27. Số lần tuyên truyền về công tác dân số tại xã trong quý(Lần)	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0
28. Số lần truyền thông lưu động về công tác dân số tại khu công nghiệp, trường phổ thông, địa bàn khó tiếp cận của huyện trong quý (Lần)	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0
29. Số lần tuyên truyền về dân số trên đài phát thanh huyện trong quý (Lần)	0
30. Số tin, bài tuyên truyền về dân số trên các ấn phẩm của cơ quan báo chí địa phương trong quý	
31. Số Pano, áp phích tuyên truyền về dân số trên địa bàn tính đến cuối quý	
32. Số xã tham gia tổ chức sự kiện truyền thông, chiến dịch truyền thông trong quý	
33. Số xã tham gia tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số trong quý	
34. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	269
35. Số thôn chưa có cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (Thôn)	0